

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HSST
Ngày 20 tháng 02 năm 2024

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA Với thành phần Hội đồng xét
xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Anh Khoa**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Mai Gia Cát**
- Ông **Nguyễn Xuân Hà**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Biên** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Long** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 106/2023/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Minh Đ, sinh ngày: 13 tháng 12 năm 1969, tại: Khánh Hòa; nơi cư trú: A Hồ N, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; những nơi đã cư trú: A C, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; Căn hộ C Chung cư B, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Giới tính: Nữ. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn giáo: Không. Trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Duy H và bà Tôn Nữ Thị P; có chồng: Đặng Văn Đ1 (đã ly hôn); có 02 con sinh năm: 1993 và năm 2001. Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28 tháng 7 năm 2023.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh K.

Có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đoàn Trung D, Luật sư của Công ty L2, Đoàn Luật sư tỉnh K. Có mặt.

Bị hại: Trương Thị Kim N, sinh năm: 1975, địa chỉ: B đường C, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Phạm Thị H1, sinh năm: 1972, nơi cư trú: Căn 907B Nhà ở xã hội 2VCN P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1980, đại diện hợp pháp của ông Phạm Minh C, địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Minh Đ và Trương Thị Kim N là bạn bè quen biết nên trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 11 năm 2014 đến tháng 7 năm 2017, Đ đã nhiều lần vay tiền của bà N để làm ăn với tổng số tiền là 1.280.000.000đ (*Một tỷ hai trăm tám mươi triệu đồng*), lãi suất các bên tự thỏa thuận. Do số tiền vay mượn lớn nên bà N yêu cầu Đ viết giấy vay mượn tiền và phải có tài sản thế chấp; Đ đã viết giấy vay mượn tiền và đưa cho bà N 01 bản “Hợp đồng góp vốn đầu tư” số 101/HĐGVĐT-KH ngày 16/10/2015, Đài ký kết với Công ty TNHH S mua 02 lô đất LK09-54, LK09-56 tại Dự án khu Biệt thự nhà vườn H thuộc xã V, thành phố N, giá trị của hợp đồng là 1.340.640.000đ (*Một tỷ ba trăm bốn mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Khoảng đầu tháng 7 năm 2017, Đ thỏa thuận với bà N cho mượn lại hợp đồng góp vốn để tách giấy tờ 02 lô đất thành 2 hợp đồng riêng biệt nhằm thuận tiện cho việc chuyển nhượng lấy tiền trả nợ. Bà N đồng ý và yêu cầu Đ phải trả bớt nợ; Đài trả cho bà N 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) thì bà N đã đưa lại hợp đồng cho Đ. Do tin tưởng nhau, đến ngày 22/7/2017, Đ mới viết giấy mượn tiền và ký xác nhận với nội dung Đ đã mượn của bà N số tiền 1.080.000.000đ (*Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng*); đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Đ phải trả cho bà N số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*) và 01 bộ hợp đồng mua bán lô đất.

Sau khi nhận được hợp đồng từ bà N, ngày 20 tháng 7 năm 2017, Đ đóng đủ số tiền theo Hợp đồng góp vốn và tách 02 lô đất trên thành 2 hợp đồng riêng biệt (Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai gắn liền với Quyền sử dụng đất số 53.2/HĐMB-KH (LK09-56) và số 53.1/HĐMB-KH (LK09-54)). Cùng ngày, Đ bán lô đất LK09-54 cho bà Phạm Thị H1 với giá 840.000.000đ (*Tám trăm bốn mươi triệu đồng*) và Công ty TNHH S đã ký Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai số 53.1/HĐMB-KH với bà H1.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, Đài bán lô đất LK09-56 cho ông Hoàng Minh C1 với giá 925.000.000đ (*Chín trăm hai mươi lăm triệu đồng*). Đài và C1 đã ký kết Văn bản chuyển nhượng Hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai gắn liền với quyền sử dụng đất, được công chứng tại Phòng C2 nhưng Đài chưa thanh lý hợp đồng với Công ty TNHH S.

Đến hạn trả nợ cho bà N, Đ trốn tránh và không trả tiền, không đưa hợp đồng mua bán lô đất cho bà N theo như nội dung Giấy mượn tiền ngày 22 tháng 7 năm 2017. Đầu năm 2018, Đ thay đổi số điện thoại liên lạc và bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không khai báo với cơ quan có thẩm quyền và không thông báo cho bà N biết địa chỉ nơi ở.

Ngày 06 tháng 9 năm 2018, bà N đã làm đơn tố cáo Đài ra trước Cơ quan công an tỉnh K.

Tại Kết luận giám định số 225/2023/KL-KTHS ngày 12 tháng 6 năm 2023, của Phòng K Công an tỉnh K kết luận:

- Chữ ký mang tên Nguyễn Minh Đ trên tài liệu ký hiệu A so với chữ ký mang tên Nguyễn Minh Đ trên tài liệu ký hiệu từ M1 đến M11 và M16 là do L1 cùng một người ký ra. Không tiến hành giám định chữ ký mang tên Nguyễn Minh Đ trên tài liệu A so với chữ ký mang tên Nguyễn Minh Đ trên các tài liệu ký hiệu từ M12 đến M15 và M17 do không cùng dạng.

- Chữ viết mang tên Nguyễn Minh Đ trên tài liệu ký hiệu A so với chữ viết mang tên Nguyễn Minh Đ trên tài liệu ký hiệu M1 đến M17 là do cùng một người viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 100/CT-VKSKH-P1 ngày 30 tháng 8 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Minh Đ về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 08 (T) năm đến 10 (M) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 690.000.000đ (*Sáu trăm chín mươi triệu đồng*), các Quyết định khác đề nghị xử lý theo quy định.

- Tranh luận tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh Đ, Luật sư Đào Trung D1 nêu quan điểm: Đồng ý về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố, đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, thấy mức hình phạt đối với bị cáo là nghiêm khắc, lý do: Mục đích bị cáo vay mượn tiền để kinh doanh đúng quy định, tuy nhiên vì mất khả năng thanh toán cho làm ăn thua lỗ nên bị cáo mới trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Từ năm 2014 bị cáo ly hôn chồng, một mình nuôi hai con không có trợ cấp từ chồng do đó bị cáo mới có hành vi phạm tội, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi người bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa,

Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét thấy lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ ngày 01 tháng 11 năm 2015 đến ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, Nguyễn Minh Đ đã nhiều lần vay tiền của bà Trương Thị Kim N tổng số tiền 1.080.000.000đ (*Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng*). Sau khi mượn được tiền, bị cáo Nguyễn Minh Đ dùng thủ đoạn gian dối, thay đổi số điện thoại, bỏ trốn khỏi nơi cư trú nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền 1.080.000.000đ (*Một tỷ không trăm tám mươi triệu đồng*) của bà Trương Thị Kim N. Hành vi của bị cáo thỏa mãn dấu hiệu của tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, bản cáo trạng số 100/CT-VKSKH-P1 ngày 30/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo phải bị xử phạt bằng một mức án nghiêm minh, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo đã nhận thấy sai phạm, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội, bị cáo đã bồi thường cho bị hại “...390.000.000đ (*Ba trăm chín mươi triệu đồng*)”, trong đó: Số tiền 350.000.000đ (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), bị cáo nhờ người nhà giao trực tiếp tiền của bị cáo cho bị hại ngày 09 tháng 01 năm 2024; Số tiền: 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*), bị cáo nhờ người nhà nộp khắc phục hậu quả (Theo Biên lai thu tiền số 0000907 ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự khi xem xét quyết định hình phạt.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho bị hại 690.000.000đ (*Sáu trăm chín mươi triệu đồng*).

Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Minh Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm (và án phí dân sự sơ thẩm) theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[1] Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 08 (T) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, thời hạn tù tính từ ngày 28 tháng 7 năm 2023.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584, 585, 586, 589 và Điều 357 Bộ Luật Dân sự

- Buộc bị cáo Nguyễn Minh Đ phải bồi thường cho bà Trương Thị Kim N số tiền 690.000.000đ (Sáu trăm chín mươi triệu đồng).

- Bị hại bà Trương Thị Kim N được nhận lại số tiền 40.000.000đ (*Bốn mươi triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0000907 ngày 08 tháng 12 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa.

Quy định: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu không thi hành khoản tiền bồi thường nêu trên thì phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Minh Đ phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 31.600.000đ (*Ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1 - TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Trại tạm giam, Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia TT khác;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Anh Khoa